

Unit 5: Pronunciation (trang 39)

1. (trang 39 SBT Tiếng Anh 10 mới) Find the word with a stress pattern different from the others. (Tìm từ có trọng âm khác với những từ còn lại)

1. C 2. A 3. D

4. C 5. B 6. B

2. (trang 39 SBT Tiếng Anh 10 mới) Read these sentences aloud. Pay attention to the stressed syllables. (Đọc to những câu này. Chú ý đến các âm tiết nhấn mạnh)

1. I want a tall boy, not a tallboy.

2. A black board is black, but a black board can be black or green.

3. They live in a green HOUSE and plant flowers in a greenhouse.

4. Do you like playing video games or online games?

5. Use this solar charger for your laptop and digital camera.

6. My white house is smaller but nicer than the US President's White House.

Unit 5: Vocabulary and Grammar (trang 39)

1. (trang 39 SBT Tiếng Anh 10 mới) Complete the sentences with the words from the box. (Hoàn thành các câu với những từ trong hộp)

1. mobile 2. save 3. inventions 4. benefits; convenient 5. modern

Hướng dẫn dịch:

1. Thiết bị di động như máy tính xách tay hay máy ảnh kỹ thuật số có thể được nạp pin bằng sạc năng lượng mặt trời.

2. Một chiếc máy rửa bát hoặc máy hút bụi có thể giúp bạn tiết kiệm thời gian và năng lượng khi làm việc nhà.

3. Nhìn chung, các phát minh mới được tạo ra để làm cho cuộc sống con người dễ dàng và thoải mái hơn.

4. Bất kì thiết bị điện nào cũng có thể có cả lợi ích và bất lợi. Một chiếc máy tính xách tay, lấy ví dụ, rất tiện lợi bởi nó dễ dàng di chuyển nhưng không phải tất cả mọi người có thể mua được vì nó có giá cao.

5. Nhờ vào công nghệ hiện đại, mọi người có thể nhận được dịch vụ y tế tốt hơn.

2. (trang 40 SBT Tiếng Anh 10 mới) Do the following crossword puzzle. (Hoàn thành câu đố ô chữ)

1. white board 2. portable 3. versatile 4. inspire

5. headphones 6. internet 7. emails

3. (trang 40 SBT Tiếng Anh 10 mới) Write sentences about the uses of the following inventions, using the V-ing or to-infinitive forms of verbs. You can use the cues or your own ideas. (Viết câu về việc sử dụng các phát minh dưới đây, sử dụng các dạng V-ing hoặc to-infinitive của động từ. Bạn có thể sử dụng các tín hiệu hoặc ý tưởng của riêng bạn)

1. We can use a washing machine to wash clothes.

2. Earbuds are used to listen to music without disturbing other people.

3. You can use a pencil case to hold pens and pencils.

4. A correction pen is used for covering your writing mistakes.

5. A calculator is used to calculate with numbers.

6. You can use a pair of compasses to draw circles.

4. (trang 41 SBT Tiếng Anh 10 mới) Join the beginnings and ends to make complete sentences (Kết nối sự bắt đầu và kết thúc để tạo các câu hoàn chỉnh)

1. d 2. a 3. e 4. c 5. b

5. (trang 41 SBT Tiếng Anh 10 mới) Complete the second sentence so that it follows on from the first. Use the present perfect. (Hoàn thành câu thứ hai để nó tiếp tục từ đầu tiên. Sử dụng thì hiện tại hoàn thành)

1. has stolen / taken
2. haven't finished
3. has uprooted
4. have made
5. has destroyed
6. has rained
7. haven't had
8. has changed

6. (trang 41 SBT Tiếng Anh 10 mới) These sentences can be right or wrong. Pick out the wrong ones and correct them. (Những câu này có thể đúng hay sai. Chọn ra những cái sai và sửa chữa chúng)

1. have changed
2. cover
3. (Right)
4. have used; preventing (or: to prevent)
5. (Right)
6. playing
7. has blown
8. surf; watch; listen

Unit 5: Reading (trang 42)

1. (trang 42 SBT Tiếng Anh 10 mới) Read the text and choose suitable words to fill the gaps. (Đọc văn bản và chọn từ thích hợp để lấp đầy các khoảng trống)

1. B
2. A
3. B
4. C
5. A

Hướng dẫn dịch:

Giải Nobel Ig là một bản sao của giải Nobel nổi tiếng. Nó được trao cho những thành tựu và phát minh đầu tiên làm người khác cười, sau đó lại làm người ta phải nghĩ. Mục đích của nó là để tôn vinh những thành tựu khác thường và siêu tưởng, thường ở lĩnh vực khoa học, dược và công nghệ. Trái với suy nghĩ thông thường của mọi người, giải thưởng được trao cho những công trình không quan trọng, những phát kiến của người thắng giải phải dựa trên những nghiên cứu nghiêm túc. Mỗi năm, một buổi lễ được tổ chức ở trường đại học Harvard, và 10 giải thưởng được làm từ tinfoil được thưởng cho người thắng giải, người phải tự trả chi phí di chuyển và nơi ở đến Cambridge.

2. (trang 43 SBT Tiếng Anh 10 mới) Read the second part of the text about the Ig Nobel Prize and choose the best answer to complete the sentences. (Đọc phần thứ hai của văn bản về Giải nobel Ig và chọn câu trả lời đúng nhất để hoàn thành câu)

1. B 2. A 3. D 4. A

Hướng dẫn dịch:

Dưới đây là một vài phát minh hài hước và thú vị đã thắng giải Ig Nobel.

Clocky, một đồng hồ báo thức “chạy trốn”, được phát minh bởi Gauri Nanda, người đã trở thành người thắng giải vào năm 2005. Chiếc đồng hồ có thể tự chạy: sau khi đổ chuông, nếu người dùng ấn nút tắt chuông, nó sẽ nhảy khỏi bàn. Sau đó nó lăn đi và trốn vào bất kì đâu trong căn phòng, bắt người dùng phải ra khỏi giường và tìm nó để dừng tiếng chuông lại.

Hai phát minh nổi tiếng nữa từng một thời bị cho là hài hước và được trao giải Ig Nobel là beano và máy hát karaoke. Năm 1991, Alan Kligerman tạo ra một loại enzyme gọi là beano và được nhận được giải thưởng, Nó có khả năng chống khí ga, beano giúp ngăn ngừa sưng và không thoải mái của hệ tiêu hóa. Một giải thưởng năm 2004 được trao cho Daisuke Inoue với máy hát karaoke của ông. Máy karaoke được sử dụng rộng rãi vào thập kỉ gần đây để thỏa mãn tính giải trí của con người ở mọi lứa tuổi.

Bạn có thể nghĩ rằng giải Ig Nobel được trao cho những phát minh buồn cười và vô dụng. Vậy bạn đã thay đổi suy nghĩ chưa?

3. (trang 44 SBT Tiếng Anh 10 mới)

Year award	Name of inventor	Name of invention	Purpose/ Effects of invention
1 1991	Alan Kligerman	beano	Prevent bloating and digestive discomfort
2 2004	Daisuke Inoue	Karaoke machine	Satisfy people’s entertainment needs
3 2005	Gauri Nanda	Clocky	Force the user to get out of bed

Unit 5: Speaking (trang 44)

1. (trang 44 SBT Tiếng Anh 10 mới) Choose sentences A – D to complete the conversation between Chi and her friend, a doctor, about he uses of an invention in medicine. Then pratice it with a partner. (Chọn câu A - D để hoàn thành cuộc đối thoại giữa Chi và bạn của cô ấy, bác sĩ, về việc sử dụng một sáng chế trong y học. Sau đó thực hành nó với một người bạn)

1. D 2. C 3. A 4. B

Hướng dẫn dịch:

Chi: Mình đang làm bài tập và không nghĩ ra. Cậu có thể giúp mình không, Tony?

Tony: Rất sẵn lòng. Mình có thể làm gì cho bạn?

Chi: Cậu nghĩ phát minh vĩ đại nhất về thuốc là gì?

Tony: Phát minh vĩ đại nhất à? Ừm... Đó là một câu hỏi khó đấy... Mình nghĩ là ống tiêm.

Chi: Ống tiêm ư? Tại sao?

Tony: Cậu thấy đấy... không có nó, bác sĩ không thể tiêm thuốc vào cơ thể bạn, và bạn không thể khỏi bệnh sớm được.

Chi: Ống tiêm chỉ để dùng để tiêm thuốc thôi sao?

Tony: Không. Nó còn có thể lấy máu để làm xét nghiệm máu cho bạn nữa.

2. (trang 45 SBT Tiếng Anh 10 mới) Work in pairs. Use the information below to make a conversation about another invention in medicine. (Làm việc theo cặp. Sử dụng thông tin dưới đây tạo cuộc trò chuyện về một phát minh khác trong y học)

A: Good morning!

B: Hi, what are you doing?

A: I'm doing a research for my science class tomorrow but I have some difficulties. Can you help me?

B: I'm willing to. What can I help you?

A: What do you think is a great invention in medicine?

B: That's an interesting question! Let's me think... Hmm, in my opinion, it is the stethoscope.

A: Why do you think so?

B: It can be used to listen to the patient's heartbeat and lungs and the heartbeats of the baby inside a pregnant woman.

A: It's a great idea. Thank you!

Unit 5: Writing (trang 46)

1. (trang 46 SBT Tiếng Anh 10 mới) Write complete sentences about the uses of a television, using the words or phrases below. (Viết câu hoàn chỉnh về việc sử dụng truyền hình, sử dụng các từ hoặc cụm từ bên dưới)

1. We use a television to entertain ourselves with programmes about music, movies or game shows.

2. People use a television to get information about daily news, the weather forecast, or events around the world.

3. We watch television to study how to cook a dish or practise English.

2. (trang 46 SBT Tiếng Anh 10 mới) Write a 150-word paragraph about the benefits and uses of a tablet PC, using the prompts below or your own ideas. (Viết một đoạn 150 từ về lợi ích và việc sử dụng máy tính bảng, sử dụng lời nhắc dưới đây hoặc ý tưởng của riêng bạn)

A tablet PC brings its user many benefits. Firstly, it is much smaller and lighter than a normal PC. Therefore, it is portable. Secondly, a tablet PC is not too expensive, then many people can afford one, even a student can buy it for studying purposes. Although a tablet PC is small, it is no less powerful than a normal PC and it is even easier to use since it has multi-touch screen and long battery lifetime.

In terms of uses, a tablet PC is multifunctional, which means it can be used for many purposes at one time. Users can surf the net as well as sending emails. A tablet PC has a small camera so that it can be used to take some photos. Users also can read e-books, listen to music or watch TV on this PC. It can be a substitution for a mobile phone as users can make phone calls on it.

